

QUẠT LY TÂM DPT 10-24B **VENTILATORS**

Quạt dùng để lắp nối ống phục vụ thông gió tòa nhà, văn phòng, trung tâm thương mại, hút khí thải, khí tươi cho điều hòa trung tâm và những nơi cần lực hút khỏe, độ ồn thấp.

Kích thước nhỏ gọn, thuận tiện khi lắp đặt.

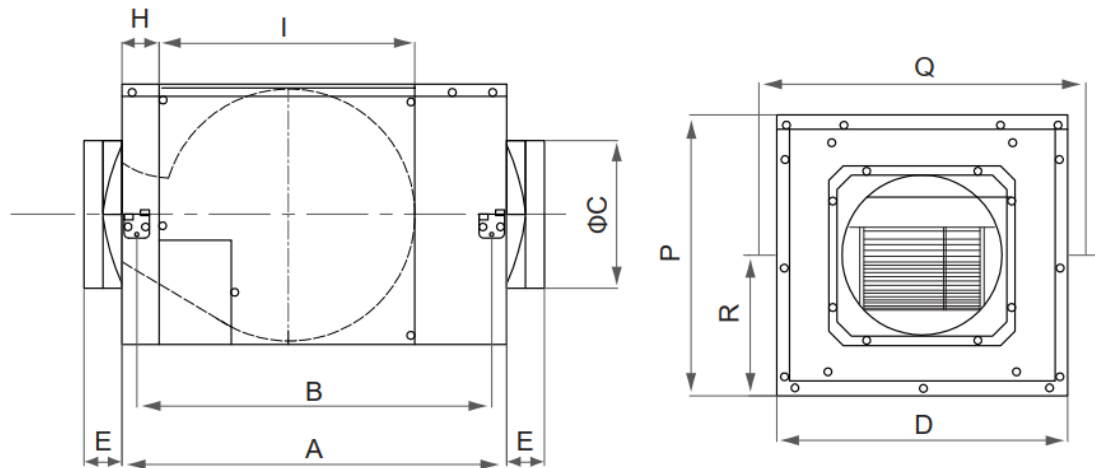
Mẫu mã đa dạng có thể lắp đặt ở nhiều địa hình.

Động cơ thông minh, tiết kiệm điện năng.

Chất lượng ổn định, độ bền cao.



Bảng vẽ kỹ thuật



THÔNG SỐ KỸ THUẬT					
Model	Công suất (W)	Tốc độ (r/ min)	Lưu lượng gió (m ³ /h)	Cột áp (Pa)	Độ ồn (dB)
DPT10-12B	21	1.180	100	80	20
DPT10-24B	52	1.800	180	160	23
DPT15-32B	40	1.050	360	132	42
DPT15-42B	100	1.250	500	167	49
DPT20-54B	135	800	770	200	47
DPT20-54C	170	950	920	240	48
DPT20-65B	255	1.100	1.200	360	48
DPT20-75B	320	1.250	1.500	380	49
DPT25-76B	350	1.050	1.700	420	53
DPT25-76C	400	1.150	1.900	430	54
DPT25-76D	500	1.300	2.100	450	56
DPT25-76E	550	1.360	2.300	480	58

QUẠT LY TÂM DPT 10-11

VENTILATORS

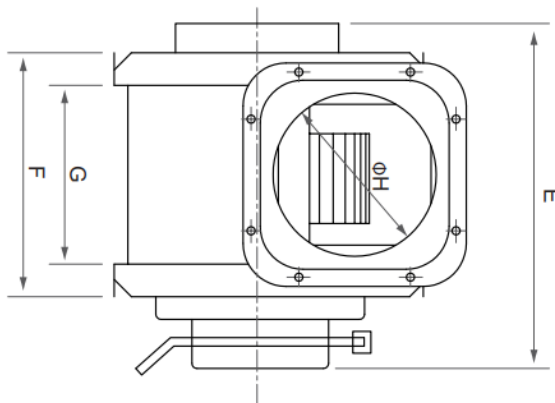
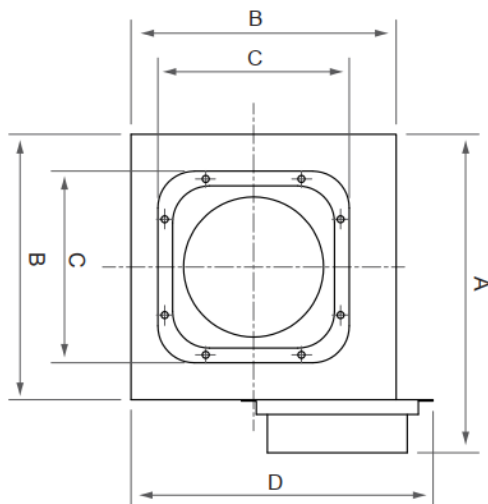
Quạt dùng để lắp nối ống phục vụ thông gió tòa nhà, văn phòng, trung tâm thương mại, hút khí thải, khí tươi cho điều hòa trung tâm và những nơi cần lực hút khỏe, độ ồn thấp.

Kích thước nhỏ gọn, thuận tiện khi lắp đặt
 Mẫu mã đa dạng có thể lắp đặt ở nhiều địa hình
 Động cơ thông minh, tiết kiệm điện năng
 Chất lượng ổn định, độ bền cao



DPT 10-11

Bảng vẽ kỹ thuật



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Công suất (W)	Tốc độ (r/ min)	Lưu lượng gió (m³/h)	Cột áp (Pa)	Độ ồn (dB)
DPT10-11	21	1.280	150/ 88	60	43
DPT10-11C	52	1.950	250/ 147	110	45
DPT15-34	40	910	300/ 176	135	42
	52	1.140	500/ 265	135	49
DPT20-54	55	800	600/ 353	185	48
	70	1.000	750/ 441	190	48
DPT20-55B	127	1.100	800/ 471	200	53
	135	1.200	1.000/ 588	210	54
DPT20-75	285	1.100	1.200/ 706	250	55
	300	1.280	1.500/ 882	280	58
DPT25-76	300	878	1.800/ 1.059	340	59
	380	1.008	2.100/ 1.235	380	62

QUẠT LY TÂM KTJ 25-20D

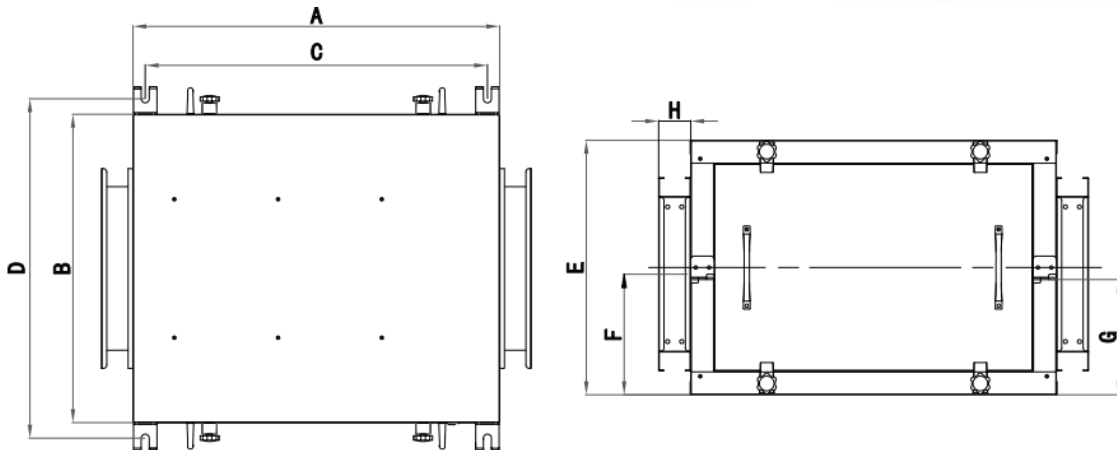
VENTILATORS

Quạt ly tâm KTJ dạng hộp với độ bền cao, có độ ồn thấp, lưu lượng và áp lực gió cao và thiết kế độc đáo thường được dùng để hút không khí trên hệ thống đường ống, trong công nghiệp, văn phòng, tầng hầm, và các nhà cao tầng. Đây là thiết bị tăng áp đường ống quan trọng không thể thiếu trong mỗi công trình nhà ở và dân dụng.



KTJ 25-20D

Bảng vẽ kỹ thuật



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Điện thế (V/Hz)	Công suất (W)	Lưu lượng gió (m³/h)	Đường kính cánh (mm)	Cột áp (Pa)	Độ ồn (dB)	
KTJ-25-20	380V/50Hz	500	2.000/ 1.176	250	450	≤56	
KTJ-25-20 D2	220V/50Hz	500	2.000/ 1.176	250	450	≤56	High Speed
		350	1.450/ 853	250	310	≤47	Low Speed
KTJ-23-32	380V/50Hz	580	3.200/ 1.882	230	440	≤62	
KTJ-23-32D2	220V/50Hz	660	3.200/ 1.882	230	440	≤62	High Speed
		370	2.200/ 1.294	230	305	≤52	Low Speed
KTJ-25-42	380V/50Hz	840	4.200/ 2.471	250	460	≤65	
KTJ-25-42D2	220V/50Hz	780	4.200/ 2.471	250	460	≤65	High Speed
		650	2.950/ 1.735	250	330	≤56	Low Speed
KTJ-28-52	380V/50Hz	750	5.200/ 3.059	280	306	≤61	
KTJ-31-62	380V/50Hz	1.100	6.200/ 3.647	315	418	≤64	
KTJ-31-72	380V/50Hz	1.500	7.200/ 4.235	315	421	≤65	
KTJ-31-82	380V/50Hz	1.500	8.200/ 4.824	315	466	≤66	
KTJ-35-100	380V/50Hz	2.200	10.000/ 5.882	350	553	≤68	
KTJ-35-120	380V/50Hz	2.500	12.000/ 7.059	350	596	≤70	

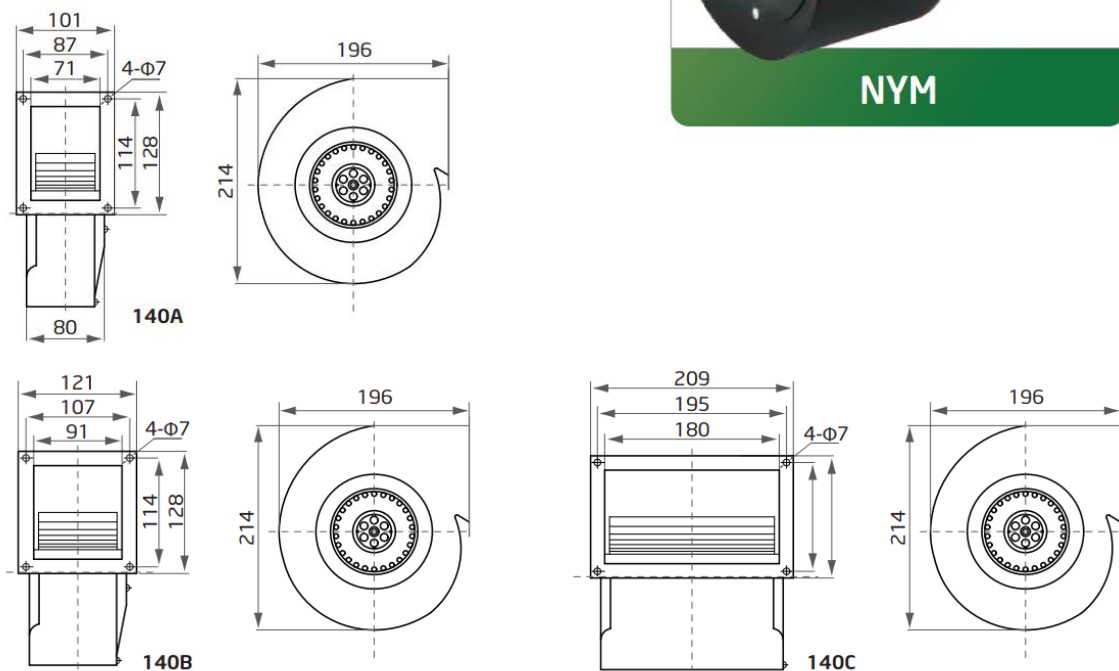
QUẠT LY TÂM NYM

VENTILATORS

Quạt ly tâm NYM giúp cho không khí luôn thoáng đãng, mát mẻ và dễ thở hơn mà không bị khô da. Tính năng này cực kỳ tốt cho sức khỏe. Với lưu lượng gió lớn giúp đạt hiệu quả làm mát trong các nhà máy và các dây chuyền sản xuất. Khối lượng gió lớn, cột áp cao, hoạt động ổn định và các tính năng tuyệt vời khác.



Bảng vẽ kỹ thuật



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Điện thế (V/ Hz)	Công suất (W)	Tốc độ (r/ min)	Lưu lượng gió (m³/h)	Cột áp (Pa)	Kích thước (mm)
NYM140A-1	220V/ 50Hz	75	1.050	240/ 141	103	140 x 59
NYM140A-2	220V/ 50Hz	82	1.440	340/ 200	310	140 x 59
NYM140A-3	220V/ 50Hz	120	1.850	400/ 235	330	140 x 59
NYM140A-4	220V/ 50Hz	125	2.000	440/ 259	365	140 x 59
NYM140A-5	220V/ 50Hz	132	2.145	480/ 282	390	140 x 59
NYM140B-1	220V/ 50Hz	80	1.350	450/ 265	100	140 x 79
NYM140B-2	220V/ 50Hz	135	1.800	550/ 324	354	140 x 79
NYM140B-3	220V/ 50Hz	155	2.000	650/ 382	3870	140 x 79
NYM160D-1	220V/ 50Hz	200	1.450	500/ 294	450	160 x 62
NYM160D-2	220V/ 50Hz	240	1.820	610/ 359	490	160 x 62
NYM180E-1	220V/ 50Hz	240	800	650/ 382	460	160 x 92
NYM180E-2	220V/ 50Hz	280	1.250	780/ 459	510	160 x 92

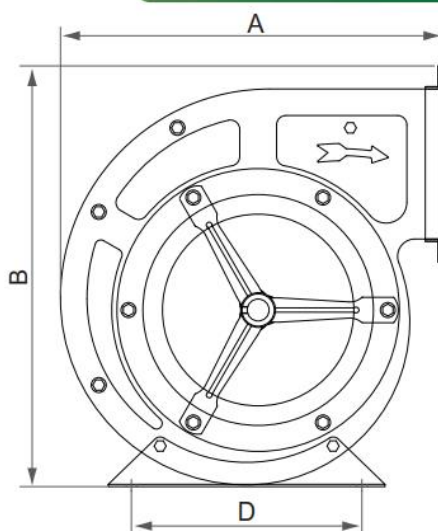
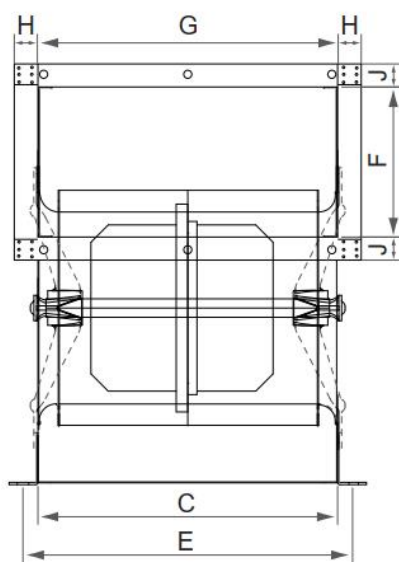
QUẠT LY TÂM DKT VENTILATORS

Quạt ly tâm DKT là dòng quạt có miệng hút đơn, với các bộ phận khác nhau được định hình bằng khuôn. Cánh quạt được thiết kế và chế tạo bằng công nghệ ly tâm nhiều cánh. Toàn bộ quạt đặc trưng bởi kiểu dáng đẹp, kích thước nhỏ, tiếng ồn thấp. Khối lượng gió lớn, cột áp cao, hoạt động ổn định và các tính năng tuyệt vời khác.

Lưu lượng gió lớn 780 m³/giờ kết hợp với tính năng làm mát bằng hơi nước cho hiệu quả làm mát cao hơn. Là một trong những sản phẩm quạt hút công nghiệp. Không vận chuyển không khí dễ cháy, ăn mòn thấp với nồng độ bụi và tạp chất rắn $\leq 100\text{mg/m}^3$ và nhiệt độ không cao hơn 60°



Bảng vẽ kỹ thuật



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Điện thế (V/ Hz)	Công suất (kW)	Lưu lượng gió (m³/h)	Cột áp (Pa)	Nổi (dB)
DKT2A-0.11KW	220V/ 50Hz	0.11	950 ~ 1.650	205 ~ 165	57
DKT2A-0.22KW	220V/ 50Hz	0.22	1.100 ~ 1.950	215 ~ 180	58
DKT2.25A-0.55KW	220V/ 50Hz	0.55	2.200 ~ 2.600	300 ~ 280	66
DKT2.5A-0.75KW	220V/ 50Hz	0.75	2.400 ~ 3.600	380 ~ 340	68
DKT2A-0.18KW	380V/ 50Hz	0.18	1.150 ~ 1.850	205 ~ 170	58
DKT2A-0.25KW	380V/ 50Hz	0.25	1.250 ~ 2.050	215 ~ 180	58
DKT2.25A-0.45KW	380V/ 50Hz	0.45	2.400 ~ 2.800	320 ~ 300	66
DKT2.25A-0.55KW	380V/ 50Hz	0.55	2.550 ~ 3.000	340 ~ 310	67
DKT2.5A-0.55KW	380V/ 50Hz	0.55	2.500 ~ 3.400	360 ~ 325	67
DKT2.5A-0.8KW	380V/ 50Hz	0.8	2.500 ~ 3.800	400 ~ 350	68
DKT2.8A-1.1KW	380V/ 50Hz	1.1	2.500 ~ 4.500	400 ~ 350	70
DKT2.8A-1.5KW	380V/ 50Hz	1.5	2.800 ~ 5.000	440 ~ 380	71